

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19- 3-2024

“V/v ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang:** Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh ngày 19/08/1984 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh ngày 08/7/1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Q và anh Nguyễn Quốc V kết hôn với nhau lần đầu năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/5/2010, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh V tham gia vào tệ nạn xã hội như cờ bạc cho nên chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà giải quyết thì vợ chồng thuận tình ly hôn và được Toà án nhân dân huyện An Biên ra Quyết định thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 121/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2019.

Tuy nhiên, sau đó chị và anh V trở về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 12/5/2020. Nhưng anh V vẫn tính nào tạt đó không thay đổi, thậm chí còn tham gia chơi cờ bạc ngày trầm trọng hơn, từ đó vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 19/6/2015, hiện nay đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc V Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh V vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt.

Tại đơn xin vắng mặt anh Nguyễn Quốc V có ý kiến trình bày như sau: Anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Q và không đồng ý giao con cho chị Q nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Qu vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 19/6/2015, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đề vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Q xử cho chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Quốc V ly hôn.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Q xử giao con tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 19/6/2015 (theo nguyện vọng của cháu T, cháu T1) cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Quốc V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Nguyễn Quốc V được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ nhất mà vẫn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, anh V đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét thấy, chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Quốc V đã được Tòa án nhân dân huyện An Biên ra Quyết định thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 121/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019. Nội dung quyết định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Giao con Nguyễn Quốc T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 19/6/2015 cho anh Nguyễn Quốc V nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Sau đó chị và anh V trở về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 12/5/2020 nên hôn nhân của chị Q và anh V là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V không lo làm ăn mà lo chơi bời, ăn nhậu từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi với nhau nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay, trong quá trình ly thân anh chị và gia đình cũng không tự hoà giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Q xử cho chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Quốc V ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Q và anh V có 02 tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 19/6/2015, hiện đang sống với chị Q. Chị Q yêu cầu xin được nuôi hai đứa con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy

yêu cầu của chị Q là có cơ sở. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị Q nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu cũng ổn định, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu T và cháu T1 và chị Q có điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử giao cháu Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị Mỹ T1 cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận mà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Q và anh Nguyễn Quốc V thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Quốc V ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao con tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 19/6/2015 (theo nguyện vọng của cháu T, cháu T1) cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị Q và anh V có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận mà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Q và anh Nguyễn Quốc V thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn

đồng), theo lai thu số: 0009130 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Q có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/3//2024). Đối với anh V vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm